

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ HƯƠNG THỦY
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2023/HNGĐ-ST.
Ngày: 24 - 7 - 2023.
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HƯƠNG THỦY, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Quý Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Quốc Toàn.
2. Ông Nguyễn Hữu Thành.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Hiệp - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Thảo Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Hương Thủy (Số 06 Đặng Tràm, phường Phú Bài, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế) xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 20/2023/TLST-HNGĐ, ngày 01 tháng 3 năm 2023 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2023/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1985; Địa chỉ: Số 02/641/6 đường Nguyễn Tất T, Tổ 03, phường Thủy C, thị xã Hương T, tỉnh Thừa Thiên H. Có mặt.

Bị đơn: Anh Tống Lục P, sinh năm 1978; Địa chỉ: Số nhà 60 đường Dương Thiệu T, Tổ 02, phường Thủy D, thị xã Hương T, tỉnh Thừa Thiên H. Vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17 tháng 3 năm 2023, bản tự khai, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Chị Nguyễn Thị T và anh Tống Lục P kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thủy D (Nay là phường Thủy D), thị xã Hương T, tỉnh Thừa Thiên H ngày 10/10/2005. Sau khi kết hôn vợ, chồng sống hạnh phúc. Tuy nhiên, vào năm 2010, thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh P thường xuyên nhậu nhẹt, say xỉn rồi đánh đập chị T, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Vì vậy, chị T đã chuyển ra ngoài, sống ly thân với anh P đã hơn 10 năm. Chị T thấy

tình cảm vợ chồng không còn, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Tổng Lục P.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Tổng Lục P có 02 người con chung tên là Tổng Khánh L, sinh ngày 22/10/2004 và Tổng Mạnh Q, sinh ngày 16/5/2009. Thời điểm sống ly thân chị đã đưa hai con theo trực tiếp nuôi dưỡng, nay chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Q đến tuổi thành niên (Đủ 18 tuổi) và không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu L đã thành niên (Đủ 18 tuổi) nên chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nghĩa vụ về tài sản: Chị Nguyễn Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn anh Tổng Lục P: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án cho anh P, quá thời hạn quy định mà anh P vẫn không nộp hoặc gửi văn bản ghi ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án tiếp tục tổng đạt các giấy triệu tập và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh P đều vắng mặt nên Tòa án không tiến hành lấy được lời khai, không hòa giải được, do vậy Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quy định pháp luật. Bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt là vi phạm Điều 70; Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn; Về nội dung: Căn cứ các quy định pháp luật đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Tổng Lục P; giao cháu Tổng Mạnh Q, sinh ngày 16/5/2009 cho chị Nguyễn Thị T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên (Đủ 18 tuổi). Chị T không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con nên không giải quyết về nghĩa vụ cấp dưỡng. Đối với cháu Tổng Khánh L, sinh ngày 22/10/2004 đã thành niên (Đủ 18 tuổi) nên Đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Anh P có quyền, nghĩa vụ thăm nom, con không ai được cản trở. Không xem xét về tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản; chị T phải chịu án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của đương sự.

[1] Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ chị Nguyễn Thị T và anh Tổng Lục P đến tham gia tố tụng tại phiên tòa lần thứ hai. Anh P vắng mặt không có lý do chính đáng, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Tổng Lục P.

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bị đơn anh Tổng Lục P, có nơi cư trú tại: Tổ 02, phường Thủy D, thị xã Hương T, tỉnh Thừa Thiên H. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39

Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử, xác định quan hệ tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Hương T, tỉnh Thừa Thiên H.

[2] Về hôn quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Tống Lục P sau khi tìm hiểu nhau đã tự nguyện đăng ký kết hôn tại xã Thủy D (Nay là phường Thủy D), thị xã Hương T, tỉnh Thừa Thiên H ngày 10/10/2005 nên Hội đồng xét xử xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

Tòa án đã tiến hành xác minh tại chính quyền địa phương ngày 05/6/2023 thể hiện: Quá trình chung sống, vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh P thường xuyên uống rượu, bia, không chăm lo cho gia đình, hai người sống ly thân quá lâu, bỏ mặc nhau trong cuộc sống, vợ chồng không có hạnh phúc. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập anh P nhiều lần đến trình bày ý kiến và hòa giải đoàn tụ, nhưng anh P không đến, chứng tỏ anh P không có thiện chí khắc phục mâu thuẫn vợ chồng. Tại phiên tòa, chị T cương quyết yêu cầu được ly hôn với anh P vì không thể tiếp tục chung sống với anh P được nữa. Hội đồng xét xử thấy rằng: Tình trạng hôn nhân của chị T, anh P mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Tống Lục P.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Tống Lục P có 02 người con chung tên là Tống Khánh L, sinh ngày 22/10/2004 và Tống Mạnh Q, sinh ngày 16/5/2009. Chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Q đến tuổi thành niên (Đủ 18 tuổi) và không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu Tống Khánh L, sinh ngày 22/10/2004 đã thành niên (Đủ 18 tuổi) nên chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử xét thấy: Cháu Q từ nhỏ đến nay ở với chị T, chủ yếu do chị T chăm sóc, nuôi dưỡng, sau khi chị T và anh P sống ly thân, cháu Q ở với chị T. Để đảm bảo cuộc sống ổn định về tinh thần và vật chất cho cháu Q, nên chấp nhận yêu cầu của chị T, giao cháu Q cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến tuổi thành niên. Hiện nay, chị T kinh doanh, thu nhập trung bình một tháng 8.000.000 đồng đến 9.000.000 đồng, đủ điều kiện kinh tế để nuôi con, nên chị T không yêu anh P cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện.

Đối với cháu Tống Khánh L, sinh ngày 22/10/2004 đã thành niên (Đủ 18 tuổi) nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nghĩa vụ về tài sản: Chị Nguyễn Thị T và anh Tống Lục P không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và

sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội; Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Tổng Lục P.

2. Về con chung: Giao cháu Tổng Mạnh Q, sinh ngày 16/5/2009 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên (Đủ 18 tuổi), anh Tổng Lục P không cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với cháu Tổng Khánh L, sinh ngày 22/10/2004 đã thành niên (Đủ 18 tuổi) nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Tổng Lục P không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng mà chị Nguyễn Thị T đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0003776 ngày 21/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hương T. Chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

Án sơ thẩm xét xử công khai, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TT Huế;
- VKSND thị xã Hương Thủy;
- Chi Cục THADS thị xã Hương Thủy;
- UBND phường Thủy Dương, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế, đăng ký kết hôn số 64, quyền số: 01/2005, ngày 10/10/2005;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Quý Vân